

Số: 17 /CBTT-LGM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

- Mã Chứng khoán : LGM
- Địa chỉ trụ sở chính : 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 22146121 Fax: 028 3864 1265

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Công ty Legamex công bố Thông báo số 09/TB-HĐQT ngày 03/02/2024 của Hội đồng quản trị về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 vào ngày 27/02/2024.

Thông báo này kèm các tài liệu họp và biểu mẫu đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/02/2024 tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/dhdcd-bat-thuong-nam-2024/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền công bố thông tin
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Xuân Khanh

Số: 09/TB-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2024

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi là “Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi là “Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 28/12/2021, sửa đổi bổ sung ngày 16/12/2022 và ngày 29/6/2023; và Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 28/12/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 12/8/2022;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2024 và Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2024 của Hội đồng quản trị về kế hoạch triệu tập và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty,

Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Địa chỉ trụ sở: 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng quản trị thông báo và trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty như sau:

- Thời gian họp:** 08 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 02 năm 2024 (thứ Ba).
- Địa điểm họp:** số 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Thành phần dự họp:** Tất cả Cổ đông của Công ty có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (ngày đăng ký cuối cùng 29/01/2024) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh lập.
- Chương trình họp và các biểu mẫu:** Được đính kèm theo Thông báo này.
- Tài liệu họp:** Được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://legamex.vn/>.



6. Hồ sơ ứng cử/đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2021 – 2026:

6.1. Điều kiện ứng cử/đề cử:

- Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử/đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT. Số lượng nhân sự được quyền ứng cử/đề cử thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Điều kiện, tiêu chuẩn của ứng cử viên thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp.

6.2. Hồ sơ ứng cử/đề cử gồm có:

a. Đối với cổ đông, nhóm cổ đông đề cử:

- Giấy đề nghị đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 (mẫu đính kèm).
- Bản tóm tắt lý lịch của ứng cử viên (mẫu đính kèm).
- Bản sao chứng thực giấy tờ tùy thân.
- Bản sao văn bằng và chứng chỉ liên quan.

b. Đối với cổ đông cá nhân tự ứng cử:

- Giấy đề nghị ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 (mẫu đính kèm).
- Bảng tóm tắt lý lịch của ứng cử viên (mẫu đính kèm).
- Bản sao chứng thực giấy tờ tùy thân.
- Bản sao văn bằng và chứng chỉ liên quan.

6.3. Hồ sơ ứng cử/đề cử gửi về Công ty chậm nhất ngày 23/02/2024 theo thông tin nêu tại Khoản 7 Thông báo này.

7. Xác nhận tham dự/ủy quyền dự họp Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý Cổ đông có thể thực hiện thủ tục xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu đính kèm theo thông báo này) và gửi về Công ty theo các hình thức: gửi trực tiếp tại Công ty, bằng đường bưu điện đến Công ty chậm nhất trước **09h00 ngày 24/02/2024 theo địa chỉ:**

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).

Địa chỉ: 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Người nhận: Bà Trần Thị Xuân Mẫn – Nhân viên Văn phòng HĐQT-TGD.

Điện thoại: 0937147225.

Hoặc gửi trước bản scan theo địa chỉ Email: vp.hdqt_tgd@legamex.vn

8. Xuất trình giấy tờ khi đến dự họp Đại hội:

8.1. Cổ đông là tổ chức gồm có: Thư mời họp; CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện tổ chức dự họp; Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; trường hợp người dự họp không phải là người đại diện theo pháp luật thì phải có giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (có đóng mộc đỏ của Công ty) hoặc giấy ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.

8.2. Cổ đông là cá nhân gồm có: Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu; trường hợp không trực tiếp tham dự họp, Cổ đông có thể ủy quyền cho một người khác tham dự

hợp theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty (có đóng mộc đỏ của Công ty) hoặc giấy ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.

Kính mong Quý Cổ đông sắp xếp tham dự đúng thời gian, địa điểm nêu trên.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Khanh





CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

(Đính kèm theo Thông báo số 09/TB-HĐQT ngày 03/02/2024
của Hội đồng quản trị về mời họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024)

Thời gian (Dự kiến)	Nội dung
8g00 – 8g30	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp: <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp cổ đông;- Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu họp đại hội.
8g30 – 9g15	Thủ tục khai mạc đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội;- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa Đại hội;- Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký, thông qua Chủ tọa đoàn và Ban Kiểm phiếu;- Thông qua Quy chế họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026;- Thông qua chương trình họp Đại hội gồm có các nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026;+ Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm Kiểm soát viên theo đơn xin từ nhiệm;+ Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Legamex;+ Công tác bầu cử thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026;+ Nội dung khác (nếu có).



Thời gian (Dự kiến)	Nội dung
9g15 – 10g00	<p>Chủ tọa điều hành chương trình họp.</p> <p>- Trình bày các tờ trình:</p> <p>+ Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026;</p> <p>+ Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm Kiểm soát viên theo đơn xin từ nhiệm;</p> <p>+ Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Legamex.</p>
10g00 – 10g50	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề của Chương trình họp bao gồm công tác bầu cử.
10g50 – 11g10	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu.
11g10 – 11g40	<p>Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu;</p> <p>Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ;</p> <p>Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p>
11g40 – 11g45	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu lại mới thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex);

Căn cứ tình hình thực tế phát sinh,

Hội đồng quản trị nhận được Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021-2026 lần lượt đề ngày 13/7/2023, ngày 05/01/2024 và 05/01/2024 của bà Dư Nguyễn Khánh Linh, ông Lê Xuân Khanh và bà Nguyễn Thị Diễm My.

Nay căn cứ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc từ nhiệm nêu trên và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021-2026 đối với bà Dư Nguyễn Khánh Linh, ông Lê Xuân Khanh và bà Nguyễn Thị Diễm My theo đơn xin từ nhiệm.

2. Bầu mới toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khanh

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo đơn xin từ nhiệm

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex);

Căn cứ tình hình thực tế phát sinh,

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhận được Đơn xin từ nhiệm Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021-2026 đề cùng ngày 05/01/2024 của ông Phạm Ngọc Hiếu, bà Tạ Thị Hồng Thắm và ông Lâm Thanh Xuân.

Nay căn cứ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và căn cứ tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc từ nhiệm nêu trên và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung như sau:

Miễn nhiệm Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Phạm Ngọc Hiếu, bà Tạ Thị Hồng Thắm và ông Lâm Thanh Xuân theo đơn xin từ nhiệm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Khanh

Số: 08/TT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex);

Căn cứ tình hình thực tế phát sinh,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhận được Văn bản đề nghị của cổ đông về việc bổ sung Tờ trình của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Legamex về thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ mô hình 1 (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc) sang mô hình 2 (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc) theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp hiện hành nhằm tái cơ cấu trúc lại hoạt động công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Nhận thấy đề nghị này của cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tế của công ty và thuộc thẩm quyền xem xét quyết định của Đại hội đồng cổ đông, vì vậy Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung cụ thể sau:

1. Chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Legamex với các nội dung chi tiết theo Bản dự thảo Điều lệ sửa đổi và Bản thuyết minh sửa đổi Điều lệ đính kèm;

2. Giao Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ Công ty theo các nội dung sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Mục 1 Tờ trình này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÀY DA VÀ MAY MẶC
XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Xuân Khanh



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ vào ngày 27/02/2024.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ:

Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu phải hiểu khác đi, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Công ty" là Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex);
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/06/2020 bao gồm tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, bao gồm tất cả các văn bản sửa đổi và bổ sung tùy từng thời điểm;
- d. "Ngày thành lập" là ngày 25 tháng 8 năm 2006, ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán;
- i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- k. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp;
- l. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **LEATHER FOOTWEAR AND GARMENT MAKING EXPORTING CORPORATION**

c) Tên Công ty viết tắt: **LEGAMEX CORP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty.

a) Địa chỉ trụ sở chính: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

b) Điện thoại: 028.22146087

c) Fax: (84.8) 38641265

d) E-mail: legamex@legamex.vn

e) Website: legamex.vn hoặc legamex.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Trong các trường hợp khuyết chức danh Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty; hoặc hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Luật Doanh nghiệp; hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể quyết định người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, giải quyết hài hòa lợi ích của cổ đông, doanh nghiệp và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Công nghiệp may (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh)	1410 (Chính)
2	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Công nghiệp dệt thêu đan (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh)	1329
3	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: Công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, thuộc da, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh).	1420

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại địa điểm kinh doanh).	3320
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở.	4290
6	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá.	4610
7	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim.	4641
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu, máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng.	4659
9	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Ăn uống giải khát, quầy rượu (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	6190
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng (chỉ thực hiện đối với nhà không thuộc sở hữu Nhà nước. Riêng đối với nhà được Nhà nước chuyển giao chức năng này chỉ thực hiện đối với những dự án, công trình đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt). Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.	6810
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ viễn thông.	7410
12	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Dịch vụ văn phòng.	8219

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty.	8299
14	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
15	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Ăn uống giải khát, quầy rượu (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).	5629

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 74.000.000.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ đồng), được chia thành 7.400.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và lãi phát sinh (theo tỷ lệ không vượt quá quy định tỷ lệ áp dụng của ngân hàng Nhà nước tại thời điểm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị để giám sát và thực hiện các chức năng khác theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

g) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

i) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

k) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b) Yêu cầu thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiến nghị các vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 18 của Điều lệ này;

d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thời gian triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu

cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

h) Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty);

l) Giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

m) Kiểm tra, xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 38 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

q) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của cổ đông đó theo quy định tại khoản 6 Điều 38 Điều lệ này;

r) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; *báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về các vấn đề theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;*

c) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức khác quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự

và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có

mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (sau khi hoàn tất đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên

trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội lần thứ nhất, người triệu tập họp thông báo cho cổ đông, lập biên bản cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành và cuộc họp được triệu tập lần thứ hai. Trong trường hợp này, thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất nhưng không đủ điều kiện. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai nhưng không đủ điều kiện. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Công ty có quyền áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý công ty;

d) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn

nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác nhằm chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý khác nhằm chứng thực cá nhân hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương

thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ thông qua tương ứng;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- g) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- h) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- i) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- k) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thủ tục đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. *Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.*

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp khác nhưng không quá năm (5) doanh nghiệp khác.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty. Trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm vai trò Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ này.

4. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện chung của thành viên Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:*

a) *Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;*

b) *Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;*

c) *Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;*

d) *Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;*

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Phải có tối thiểu một (01) người là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

6. Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

iii) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

ii) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

iii) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết;

iv) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp và quyết định mức lương của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

i) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

m) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

n) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

o) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

p) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138,

khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp, các điểm n, p, q khoản 1 Điều 15 Điều lệ này; Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 38 Điều lệ này.

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

g) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mười (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

k) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

l) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

m) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người điều hành khác đại diện xử lý từng nội dung công việc cụ thể thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (Công ty niêm yết) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo nguyên tắc biểu quyết đa số theo quy định tại khoản 13, 14 Điều 30 Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác;
- b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc

hợp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết có quyền biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Tổng giám đốc kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt số lượng người Điều hành doanh nghiệp phù hợp với sơ đồ tổ chức công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách

nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty để đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị phê duyệt.

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động và các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

h) Quý I hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán tối thiểu là 02 người. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

b) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

c) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

d) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

e) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

g) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

h) Các nội dung khác (nếu có).

3. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp

4. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Việc kê khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các

công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; hoặc

- Một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; hoặc

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc

- Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác làm chủ, sở hữu riêng hoặc cùng sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ,

không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch đó cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được báo cáo tới thành viên Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch;

b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất gần nhất đã được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch đó cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và Người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất đã được kiểm toán giữa Công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **năm phần trăm (05%)** cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp

Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 47. Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Việc lập, công bố, nộp các báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho các cơ quan hữu quan được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, đồng thời phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những

điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ sáu mươi lăm (65) % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật mà những điều khoản trong Điều lệ này trái với quy định mới đó thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 55 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày 27 tháng 02 năm 2024. Bản Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2021, sửa đổi bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2022 và ngày 29 tháng 6 năm 2023.

2. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2024.

3. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Hồng Chiến

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,	2
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ	2
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III.....	3
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG IV.....	5
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
CHƯƠNG V	7
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	7
CHƯƠNG VI.....	8
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
CHƯƠNG VII	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
CHƯƠNG VIII	30
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	30
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc ..	31
CHƯƠNG IX.....	32
<i>ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i>	32
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	32
Điều 35. Thành viên Ủy ban kiểm toán	32
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	32
CHƯƠNG X	34

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	34
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	36
CHƯƠNG XI.....	36
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty	36
CHƯƠNG XII	37
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII	37
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	37
CHƯƠNG XIV	38
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 44. Năm tài chính.....	38
Điều 45. Chế độ kế toán	38
CHƯƠNG XV	39
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ	39
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 46. Báo cáo thường niên	39
Điều 47. Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin	39
CHƯƠNG XVI.....	39
KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 48. Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII.....	40
CON DẤU	40
Điều 49. Con dấu	40
CHƯƠNG XVIII	40

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	40
Điều 51. Gia hạn hoạt động.....	41
Điều 52. Thanh lý.....	41
CHƯƠNG XIX.....	41
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
CHƯƠNG XX.....	42
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.....	42
CHƯƠNG XXI.....	42
NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 55. Ngày hiệu lực của Điều lệ.....	42





BẢNG THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

(Kèm Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 03/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex))

STT	ĐIỀU/KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	LÝ DO, CĂN CỨ
1	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty			
1.1		Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc <i>Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị để giám sát và thực hiện các chức năng khác theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</i>	Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.
2	Điều 12. Quyền của cổ đông			
2.1	Điểm c Khoản 3	c) <i>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ</i>	Đề nghị bỏ nội dung tại Điểm c và thay thế bằng nội dung sau: c) Kiến nghị các vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới và Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.

		<i>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng số phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i>	142 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 18 của Điều lệ này;	
3	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông			
3.1	Điểm e, g Khoản 3	<i>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</i> <i>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i>	Đề nghị bỏ điểm e và chuyển điểm g thành điểm e. e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới.
3.2	Điểm b Khoản 4	<i>4. Thời gian triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</i> <i>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải</i>	Đề nghị bỏ nội dung Điểm b Khoản 4	Bỏ nội dung này để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới

		<p>thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>		
3.3	Điểm c Khoản 4	<p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Thay cụm từ “Ban kiểm soát” thành “Hội đồng quản trị” để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới.</p>
4	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông			

1/3
IN
VTC
X
(L)
/P/

4.1	Điểm b Khoản 2	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về các vấn đề theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này.</p>	Bổ sung nội dung liên quan đến thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán
4.2	Điểm c Khoản 2	<p>c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</p>	Đề nghị bỏ	Bỏ nội dung liên quan đến Ban kiểm soát để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới.
5	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông			
5.1	Điểm a Khoản 2	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.

		mười (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;		
5.2	Điểm b Khoản 3	b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	Đề nghị bỏ khoản này	Tại thời điểm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thì chưa có danh sách và thông tin ứng viên để gửi cho cổ đông.
6	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông			
6.1	Khoản 4	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <i>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Bỏ nội dung liên quan đến Ban kiểm soát để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới
6.2	Chưa có	Chưa có	Bổ sung khoản 13 Điều 20 13. Công ty có quyền áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội	Bổ sung theo Điểm c Khoản 3 Điều 144

			đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.	Luật Doanh nghiệp 2020.
7	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
7.1		Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi để phù hợp với Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.
8	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị			
8.1	Khoản 1	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Bổ sung nội dung liên quan đến nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị để phù hợp với Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020.
8.2		Chưa có	Bổ sung nội dung về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Khoản 4.	

			<p>4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện chung của thành viên Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01%</p>	
--	--	--	---	--

			<p><i>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</i></p> <p>e) <i>Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</i></p>	
8.3	Khoản 4	<p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><i>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Sửa thành Khoản 5</p> <p>5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><i>Phải có tối thiểu một (01) người là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</i></p>	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới và Khoản 3 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
8.4	Một phần Khoản 5	<p>5. Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm của Đại hội đồng cổ đông <i>theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp</i>, cụ thể:</p>	<p>5. Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:</p>	Bỏ cụm từ “theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp” vì Điều lệ hiện hành đã liệt kê cụ thể các trường hợp miễn nhiệm/bãi nhiệm thành viên HĐQT phù hợp với quy định pháp luật.
9	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị			
9.1	Điểm a Khoản 3	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn</p>	Bỏ Điểm a Khoản 3 Điều 30 cho phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới và sửa ký hiệu của các

		mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a) Ban kiểm soát; b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác; c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác; b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	khoản b, c, d thành a, b, c.
9.2	Điều e Khoản 11	11. Biểu quyết <i>e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i>	Đề nghị bỏ	Bỏ điều này để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới.
10	CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT			
10.1	Điều 34 Điều 35 Điều 36	CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên Điều 35. Kiểm soát viên Điều 36. Ban kiểm soát	Đề nghị sửa tên Chương IX thành CHƯƠNG IX ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Và các Điều 34, Điều 35 và Điều 36 được sửa như sau: <i>Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</i> <i>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành công ty.</i>	Sửa đổi để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới và Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020.

			<p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 35. Thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán tối thiểu là 02 người. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p>	
--	--	--	--	--

73
Y
A
GA
Y

			<p>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>b) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;</p> <p>d) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;</p> <p>e) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác</p>	
--	--	--	---	--

			<p>không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>g) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán;</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm</p>	
--	--	--	--	--

			<p>soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p> <p>h) Các nội dung khác (nếu có).</p> <p>3. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp</p> <p>4. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp,</p>	 
--	--	--	---	---

			<p>lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>5. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	
11	Các Điều, Khoản khác của Điều lệ			
	Điều 12 Điều 14 Điều 15 Điều 18 Điều 21 Điều 22 Điều 30 Điều 37 Điều 38 Điều 39 Điều 40 Điều 53		<p>Do Điều 11 của Dự thảo Điều lệ sửa đổi đã điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình không có Ban kiểm soát nên trong một số Điều, Khoản của Điều lệ đã bỏ cụm từ liên quan đến Ban kiểm soát như: “các báo cáo của Ban kiểm soát”, “Ban kiểm soát”, “Kiểm soát viên” để đảm bảo nội dung Điều lệ phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới.</p> <p>Ngoài ra, có một số Điểm, Khoản tại một số Điều quy định liên quan đến Ban Kiểm soát đã bị đề nghị bỏ nên đã có sự điều chỉnh ký hiệu, số tự tự của các Điểm, Khoản trong một số</p>	

0073
 G TY C
 VÀ I
 XUẤT K
 BGAJ
 HỒ H

			Điều tương ứng (không thay đổi nội dung).	
--	--	--	---	--



Số:



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024,

ngày 27 tháng 02 năm 2024.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (gọi chung là “Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành (gọi chung là “Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex), mã số 0300734844, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 14/6/2022 (cấp đăng ký lần đầu ngày 25/8/2006);

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex);

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2024 và Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2024 của Hội đồng quản trị về kế hoạch triệu tập và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024;

Căn cứ Thông báo số /TB-HĐQT ngày 03/02/2024 của Hội đồng quản trị về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024;

Căn cứ Biên bản số /BB-ĐHĐCĐ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024, ngày 27/02/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo đơn xin từ nhiệm đối với các ông/bà có tên dưới đây:

- Ông Lê Xuân Khanh;
- Bà Dư Nguyễn Khánh Linh;
- Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Điều 2. Thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo đơn xin từ nhiệm đối với các ông/bà có tên dưới đây:

1. Ông Phạm Ngọc Hiếu;
2. Bà Tạ Thị Hồng Thắm;
3. Ông Lâm Thanh Xuân.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Legamex.

1. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Legamex theo đề xuất của Hội đồng quản trị tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../02/2024.

2. Giao Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ Công ty theo các nội dung sửa đổi bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Khoản 1 Điều này và tiến hành các thủ tục có liên quan gửi đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp (nếu có) theo quy định.

Điều 4. Thông qua Danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026, gồm có ... người (thứ tự xếp theo vần a, b, c):

1.;
2.;
3.;
4.;

Điều 5. Thông qua Kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với các ông/bà có tên dưới đây (xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người trúng cử có số phiếu bầu cao nhất):

1.;
2.;
3.;

Điều 6. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 họp ngày 27/02/2024 thông qua với tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt dự họp và biểu quyết tán thành; và có hiệu lực kể từ giờ phút cùng ngày.



2. Giao Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định và triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP**

Nơi nhận:

- + UBCKNN (để báo cáo);
- + Cổ đông (CBTT trên website Công ty Legamex);
- + HĐQT, BKS, TGD;
- + Lưu: VT, VP.

**Lê Xuân Khanh
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024



QUY CHẾ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

Điều 1. Mục đích

- Quy chế nhằm đảm bảo trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp, cách thức biểu quyết và nguyên tắc ứng xử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
- Nghị quyết của Đại hội thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về cách thức làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
- Quy chế này áp dụng đối với tất cả thành phần tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này những từ ngữ, thuật ngữ được hiểu như sau:

- Công ty : Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
- Đại hội/ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (tổ chức), người được ủy quyền của cổ đông (cá nhân).
- HDQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- Ban Tổ chức : Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi bổ sung năm 2022 theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.
- Luật Chứng khoán : Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Điều lệ công ty : Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu

(Legamex) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2021, sửa đổi bổ sung ngày 16/12/2022 và ngày 29/6/2023.

9. Danh sách cổ đông : Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán LGM do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chốt tại ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ. Trường hợp không trực tiếp tham dự họp, cổ đông có thể ủy quyền cho một người khác tham dự họp theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty (có đóng mộc đỏ của Công ty) hoặc giấy ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.
2. Cổ đông là tổ chức nếu có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền, thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện (theo mẫu giấy ủy quyền có đóng mộc đỏ của Công ty) hoặc giấy ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (*Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty*).
2. Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập thông báo và lập biên bản cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành, được triệu tập lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất nhưng không đủ điều kiện. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, khi đó thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định Đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 6. Thành phần tham dự Đại hội và các quy định có liên quan

1. Thành phần tham dự Đại hội, gồm:
 - a) Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách tại Khoản 9 Điều 3 của Quy chế này;
 - b) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này;
 - c) Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, điều hành Công ty;

- d) Các thành viên Ban Tổ chức không phải là cổ đông Công ty;
 - e) Các khách mời là người ngoài Công ty do Ban Tổ chức mời, nếu có.
2. Khách mời không phải là cổ đông của Công ty thì không được tham gia phát biểu, biểu quyết tại Đại hội, trừ trường hợp được Chủ tọa mời phát biểu ý kiến.
3. Tất cả thành phần tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:
- a) Đúng giờ, trang phục lịch sự, tuân thủ kiểm tra an ninh, nếu có;
 - b) Làm thủ tục đăng ký tham dự họp theo hướng dẫn của Ban Tổ chức;
 - c) Xuất trình giấy tờ theo quy định của Ban Tổ chức;
 - d) Nhận tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết (nếu là Đại biểu) tại khu vực đăng ký tham dự họp;
 - e) Cài đặt điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy; khi cần có thể ra bên ngoài để nghe gọi;
 - f) Không tự ý sử dụng các thiết bị điện tử để quay phim, chụp ảnh, ghi âm, phát trực tuyến tại Đại hội ngoại trừ Ban Thư ký Đại hội tác nghiệp hoặc trường hợp được Chủ tọa Đại hội đồng ý;
 - g) Không được mời phóng viên, nhà báo tham dự Đại hội khi chưa được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội;
 - h) Ứng xử văn minh, lịch sự, không được sử dụng ngôn từ kích động hoặc quấy rối, gây mất trật tự;
 - i) Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký dự họp và tham gia tiếp chương trình Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề trước đó sẽ không bị ảnh hưởng;
 - j) Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội;

Trường hợp Đại biểu không tuân thủ các quy định trên hoặc phát sinh các trường hợp khác gây cản trở Đại hội, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể áp dụng các biện pháp bao gồm việc trục xuất người ra khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo chương trình họp đã được Đại hội thông qua.

Điều 7. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gọi tắt Ban Kiểm tra) được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:
 - a) Kiểm tra thủ tục, xác nhận tư cách của Đại biểu tham dự họp Đại hội theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.
 - b) Lập Biên bản số lượng Đại biểu có mặt tham dự Đại hội theo quy định.
 - c) Lập và báo cáo Đại hội về tình hình Đại biểu dự họp trong đó kết luận đủ/ không đủ điều kiện tiến hành Đại hội quy định tại Điều 5 Quy chế này, báo cáo Đại hội về tình hình Đại biểu dự họp tại thời điểm biểu quyết.

Điều 8. Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa Đại hội.

- a) Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty.
- b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tọa Đại hội:
 - Có thể giới thiệu thêm thành viên để hỗ trợ Chủ tọa điều hành chương trình Đại hội; trong trường hợp này danh sách Chủ tọa đoàn phải được Đại hội biểu quyết thông qua.
 - Cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội.
 - Giới thiệu danh sách Ban Kiểm phiếu để Đại hội xem xét thông qua.
 - Tiến hành các hoạt động nếu thấy cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự họp.
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.
 - Chủ trì, hướng dẫn các Đại biểu thảo luận.
 - Trình bày hoặc chỉ định người trình bày các báo cáo, tờ trình; thuyết minh, giải trình tại Đại hội.
 - Trả lời/ghi nhận các góp ý của Đại biểu đối với các nội dung trình bày tại Đại hội.
 - Ký ban hành biên bản, nghị quyết và các văn bản khác có liên quan, nếu có, sau khi kết thúc Đại hội.
 - Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Thư ký Đại hội.

- a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội.
- b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận các ý kiến/ phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu và chuyển cho Chủ tọa Đại hội;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội;
 - Hỗ trợ Chủ tọa việc công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu.

- a) Ban Kiểm phiếu gồm các thành viên là cổ đông hoặc không phải là cổ đông,

được Chủ tọa Đại hội giới thiệu. Danh sách Ban Kiểm phiếu phải được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

- Phổ biến, hướng dẫn Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên HĐQT tại Đại hội.
- Thực hiện việc kiểm phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Chuyển các Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa/ Ban Thư ký để lưu trữ theo quy định.

Điều 9. Phát biểu tại Đại hội

1. Đại biểu phát biểu ý kiến theo thứ tự đã đăng ký và tuân theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.
2. Khi phát biểu, Đại biểu đứng tại vị trí, giới thiệu họ, tên, mã số Đại biểu trên thẻ/phiếu biểu quyết; phát biểu ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào nội dung thảo luận, phù hợp với chương trình họp đã được Đại hội thông qua. Đại biểu có thể gửi ý kiến của mình bằng văn bản cho Chủ tọa. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận tại Đại hội.

Điều 10. Cách thức biểu quyết tại Đại hội

1. Quy định chung:

- Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội. Trên Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được bầu cử của đại biểu đó nhân với số lượng ứng viên cần bầu. Việc biểu quyết bằng hình thức Điền vào Phiếu bầu cử thực hiện theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 sau khi được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

2. Thẻ thức tiến hành biểu quyết:

Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến đối với một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.

a) Các hình thức biểu quyết:

- **Giơ “Thẻ biểu quyết”:** Khi tiến hành biểu quyết một vấn đề tại Đại hội, theo sự điều hành của Chủ tọa, Đại biểu thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết một lần duy nhất tương ứng với một trong ba phương án mà mình đã chọn: Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến.
 - Hình thức này dùng để biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội như Quy chế họp ĐHĐCĐ, Quy chế bầu cử, Danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu, Chương trình họp, biên bản, nghị quyết và các vấn đề Đại hội quyết định khác (nếu có) trừ các vấn đề biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.
 - Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như Không có ý kiến về vấn đề đó. Trường hợp Đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/ Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã Đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- **Điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Từng vấn đề trong nội dung chương trình họp sẽ được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết; theo sự điều hành của Chủ tọa, Đại biểu thực hiện điền vào Phiếu biểu quyết sau khi đã chọn một trong ba phương án: Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết.
 - Hình thức này dùng để biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội như: Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu lại mới thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026; Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm Kiểm soát viên theo đơn xin từ nhiệm; Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; và các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội theo sự điều hành của Chủ tọa (nếu có).
 - Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, Đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu.

b) Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết – Thẻ biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra,

không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của Đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Bỏ phiếu trắng cho một hoặc một số nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết nội dung đó được coi là không hợp lệ;
 - Đánh dấu từ 02 lựa chọn trở lên cho một nội dung biểu quyết thì Phiếu biểu quyết nội dung đó được coi là không hợp lệ;
 - Phiếu biểu quyết không đầy đủ chữ ký, không ghi rõ họ tên của Đại biểu;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã bị rách, tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 29/01/2024) tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là: 7.400.000 cổ phần tương đương với 7.400.000 quyền biểu quyết.

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11. Điều kiện để thông qua Nghị quyết của Đại hội

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 1, 2, 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- Điều 21 Điều lệ Công ty:

“Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý công ty;

d) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

....”

- Khoản 1, 2, 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.”

Điều 12. Về việc bầu cử thành viên HĐQT

Trình tự, thủ tục của công tác bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 và đảm bảo theo các nguyên tắc tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Biên bản họp và Nghị quyết

1. Biên bản họp Đại hội phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Căn cứ Biên bản họp Đại hội và kết quả kiểm phiếu, Ban Thư ký Đại hội tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết của Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế này gồm có 14 Điều và có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua.
2. Tất cả các thành phần tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội không quy định tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo các quy định pháp luật về doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty./.

Nơi nhận:

- Cổ đông (CBTT trên website của Công ty Legamex);
- Ban Tổ chức ĐH;
- Ban Kiểm phiếu;
- Lưu: VT, TK.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LÊ XUÂN KHANH**





THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: LGM.000000

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: LGM.000000

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu X vào 1 trong 3 ô lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo đơn xin từ nhiệm và bầu lại mới thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.			
Nội dung 02: Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm KSV theo đơn xin từ nhiệm và bầu lại mới KSV cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.			
Nội dung 03: Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).			

Hướng dẫn:

Đại biểu đánh dấu chọn (X) vào

01 trong 03 ô: **Tán thành/**

Không tán thành/ Không có

ý kiến đối với từng nội dung

biểu quyết.

Ngày tháng năm 2024

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2024



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY LEGAMEX CHO
THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi bổ sung năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex),

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 như sau:

I. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
2. Quy chế áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (theo danh sách tổng người sở hữu chứng khoán LGM do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chốt tại ngày 29 tháng 01 năm 2024) và người đại diện theo uỷ quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.

II. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt.

- Công ty : Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- Đại hội/ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).
- Điều lệ Công ty : Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2021, sửa đổi bổ sung ngày 16/12/2022 và ngày 29/6/2023.

III. Chủ tọa tại Đại hội.

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử thành viên HĐQT của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định;
- Điều hành việc biểu quyết thông qua số lượng, danh sách ứng cử viên và bầu cử bằng phiếu bầu;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

IV. Đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT.

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 03.
- Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.
- Số lượng ứng cử viên Thành viên HĐQT tối đa: không hạn chế.

1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ Công ty, Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp)

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.
- Trường hợp thiếu ứng viên thành viên HĐQT mà cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử mới/bổ sung ngay tại Đại hội nhưng chưa thể cung cấp đầy đủ hồ sơ đề cử, ứng cử theo Quy chế này (nhưng tối thiểu phải đảm bảo có giấy đề cử, ứng cử do cổ đông/nhóm cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông ký) và ký cam kết bổ sung đầy đủ hồ sơ trong thời hạn 48 giờ sau khi Đại hội kết thúc sẽ được chấp nhận. Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông không cung cấp/cung cấp không đầy đủ trong thời hạn này thì các ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT do cổ đông/nhóm cổ đông đó đề cử, ứng cử sẽ được ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo thẩm quyền tại cuộc họp gần nhất.

- Trường hợp số lượng ứng viên thành viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thủ tục đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
- Ban Tổ chức phải tổng hợp và báo cáo ĐHĐCĐ về danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT (bao gồm tóm tắt lý lịch ứng viên) để ĐHĐCĐ thông qua (khi có trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành) trước khi tiến hành bầu cử.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 26 Điều lệ Công ty, Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Nghị định 155/2020/NĐ-CP):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

2.2. Thành viên độc lập HĐQT ngoài việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện chung của ứng cử viên thành viên HĐQT thì còn phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

V. Nguyên tắc bầu cử thành viên HĐQT.

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một Đại biểu chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

VI. Phương thức bầu cử.

- Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử (*Theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp*):
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Mỗi Đại biểu dự họp được cấp một phiếu bầu thành viên HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.
 - Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên HĐQT cần bầu.
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - Trường hợp ghi sai phiếu bầu, Đại biểu đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

Lưu ý:

Trong trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “số phiếu bầu”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không rách, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm niêm phong thùng phiếu.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;

- Số ứng viên mà Đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của Đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu cần).
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của ĐHĐCĐ của Công ty.

VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên.

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu bổ sung, thay thế.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT.

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Giấy đề nghị ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT (theo mẫu).
- Bản tóm tắt lý lịch ứng viên (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Bản sao bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có).

Người đề cử ứng viên thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. Các nội dung không được nêu tại Quy chế này sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Cổ đông (CBTT trên website); của Công ty Legamex);
- Ban Tổ chức ĐH;
- Ban Kiểm phiếu;
- Lưu: VT, TK.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LÊ XUÂN KHANH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026
(Áp dụng đối với cổ đông/nhóm cổ đông đề cử)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex)

Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex),

Hôm nay, ngày/...../2024, tại, Tôi/Chúng tôi là Cổ đông/nhóm Cổ đông của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex), cùng nhau nắm giữ **cổ phần** (bằng chữ:**cổ phần**), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/CNĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
...					
Tổng cộng					



Căn cứ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Chúng tôi cùng nhất trí cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... cấp ngày.../.../..... tại

Địa chỉ:

Làm đại diện nhóm thực hiện thủ tục đề cử theo đúng Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Legamex cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).

Và cùng nhất trí đề cử các Ông/Bà có tên dưới đây làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021 – 2026:

1. Ông/Bà:Năm sinh:.....
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu :..... cấp ngày .../.../..... tại
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần

2. Ông/Bà:Năm sinh:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... cấp ngày .../.../..... tại
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần

3. Ông/Bà:Năm sinh:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... cấp ngày .../.../..... tại.....
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần

Chúng tôi cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của nội dung văn bản này và hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamey).

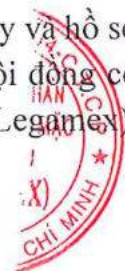
Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo của ứng viên được đề cử:

- Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bảng tóm tắt lý lịch của ứng viên;
- Bản sao các văn bằng chứng chỉ về trình độ văn hóa và chuyên môn.

Cổ đông/Đại diện Nhóm cổ đông¹

(Cổ đông/Đại diện nhóm cổ đông ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của cổ đông là tổ chức)



¹ Cổ đông là tổ chức do Người đại diện theo pháp luật/người được uỷ quyền hợp pháp ký và đóng dấu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ĐỀ NGHỊ
ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026
(Áp dụng đối với cổ đông cá nhân tự ứng cử)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex)

Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex),

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:../../.....Nơi cấp:.....

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho tôi được ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Tôi cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của nội dung văn bản này và hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).

Nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Tôi cam kết thực hiện quyền, nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bảng tóm tắt lý lịch của ứng viên ứng cử.
- Bản sao các văn bằng chứng chỉ về trình độ văn hóa và chuyên môn.

....., ngày..... tháng năm 2024

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 3x4

....., ngày tháng ... năm 2024



BẢN TÓM TẮT LÝ LỊCH ỨNG VIÊN

(Ứng viên chức danh Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) nhiệm kỳ 2021-2026)

1/ Họ và tên:2/ Giới tính:

3/ Ngày tháng năm sinh:4/ Nơi sinh:

5/ Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:Nơi cấp:

6/ Quốc tịch:7/ Dân tộc:

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Số điện thoại:10/ Địa chỉ email:.....

11/ Trình độ chuyên môn:.....

12/ Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

13/Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex):

.....

14/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

.....

.....



15/ Số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex):.....chiếm.....vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:.....

16/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:.....

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:.....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Tôi cam kết thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

**Chứng thực, xác nhận của chính quyền
địa phương hoặc tổ chức đề cử¹**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)



¹ Đối với cá nhân ứng cử: Bản tóm tắt lý lịch ứng viên phải được chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương. Đối với cá nhân được đề cử: Bản tóm tắt lý lịch ứng viên phải được chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương hoặc tổ chức, cơ quan đề cử ứng viên đó.

**PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
MÃ ĐẠI BIỂU: LGM.000000Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

Tổng số lượng phiếu bầu: phiếu bầu

Tôi đồng ý bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Bầu dồn đều phiếu cho các ứng cử viên	Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên
1	B		
2	C		
3	D		
4	E		
5	G		
6	H		
7	I		

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng ứng viên cần bầu.
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Ngày tháng năm 2024

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....